TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 498/2019/QĐST- HNGĐ	*Quận 4, ngày 11 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 465/2019/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: ông Trần Quốc Chánh T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, Tp.HCM

Bị đơn: bà Phạm Thị N, sinh năm 1982

Địa chỉ: Đường D, Phường E, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 57; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 10 năm 2019;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: ông Trần Quốc Chánh T và bà Phạm Thị N (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số số 44, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường E, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 12/4/2013)

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Ông T và bà N cùng xác nhận quá trình chung sống ông, bà có 01 con chung tên Trần Quốc Gia H, sinh ngày 26/6/2013. Hai bên thỏa thuận giao con chung tên Trần Quốc Gia H cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T và bà N tự thỏa thuận việc cấp dưỡng.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở, nhưng ông không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Ông T và bà N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm hòa giải thành số tiền là 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) ông T nhận nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0024623 ngày 13/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4. Ông T đã nộp xong án phí. Hoàn trả cho ông T số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTp. HCM;
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Cơ quan cấp giấy chứng nhận ĐKKH;
- Lưu VP – HS.

THẨM PHÁN

(Đã ký tên, đóng dấu)

Hồ Thị Thủy Tiên